TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Vũ Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 117/2025/HNGĐ-ST ngày 05/3/2025 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1999.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm D, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay : Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: người được phân công : Ông Nguyễn Ngọc T, bà Trịnh Thị L, bà Trịnh Thanh H1 – Địa chỉ : H đường N, phường C, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1992.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm D, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương; địa chỉ hiện nay : Đài Loan.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan : Bà **Lưu Thị L1**, sinh năm 1952; địa chỉ : Xóm D, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, bà L1 đề nghị giải quyết vắng mặt, anh N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Vì cuộc sống gia đình nên năm 2020 anh N đi lao động tại Đài Loan; năm 2022 chị đi Đài Loan, vợ chồng không sống cùng, không hỏi han, liên lạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của hai vợ chồng.

Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 12/01/2020; hiện cháu đang ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn H3 và bà Lưu Thị Lẹm . Chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N với số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Hiện anh N đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp nuôi con, chị đồng ý giao cháu H2 cho ông bà nội là ông Nguyễn Văn H3 và bà Lưu Thị L1 chăm sóc và nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản chung: Chị và anh N tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Chị và anh N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Do nguyên đơn chị H không cung cấp được địa chỉ của anh N tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh N là bà Lưu Thị L1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương là mẹ của anh Nguyễn Văn N. Bà L1 cho biết anh N vẫn liên lạc về gia đình, về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng giữa H và anh N như chị H trình bày là đúng. Chị H và anh N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2018. Sau khi kết hôn chị H về sinh sống cùng gia đình chồng, quá

trình sinh sống vợ chồng có mâu thuẫn gì không thì bà không biết; tháng 6 năm 2022, chị H được anh N làm giấy tờ cho đi lao động tại Đài Loan, anh N thuê chỗ ở cho chị H nhưng chị H không đồng ý và đi chỗ khác sinh sống; nhiều lần anh N sang đưa đồ cho chị H nhưng chị H không gặp mặt, không nghe điện thoại. Thời gian vừa qua, chị H về nước nhưng không về nhà chồng sinh sống, chị H về nhà ngoại và chỉ đón con sang ở cùng mấy ngày rồi lại đưa con về nhà nội. Tại buổi làm việc, bà L1 trực tiếp liên lạc với anh N thông qua mạng xã hội, anh N có quan điểm xác định vợ chồng mâu thuẫn thời gian dài, chị H có đơn xin ly hôn, anh N nhất trí, tuy nhiên do không về để làm thủ tục ly hôn được, anh N đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua bà, bà sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh N được biết. Bà L1 đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho anh N được biết, hiện anh N không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 12/01/2020; hiện cháu đang ở cùng bà. Chị H có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2; chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N với số tiền 2.000.000đ/01 tháng cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Tại buổi làm việc bà liên lạc trực tiếp với anh N, quan điểm của anh N nhất trí nhận nuôi cháu H2, trong thời gian anh N không có mặt tại nhà, anh N ủy quyền cho ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh N nhất trí.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị H và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung, giao cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 12/01/2020 cho anh N chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu H2 cho bà Lưu Thị L1, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh N không có mặt tại địa phương. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn N hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xóm D, thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị H, và người đại diện theo ủy quyền, bà L1 vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 08/10/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách của hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Vì cuộc sống gia đình nên năm 2020 anh N đi lao động tại Đài Loan; năm 2022 chị đi Đài Loan, vợ chồng không sống cùng, không hỏi han, liên lạc dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không có cách nào giải quyết. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay, chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Thông qua gia đình anh N cũng có quan điểm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đồng ý ly hôn chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H, anh N đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 12/01/2020; hiện cháu đang ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn H3 và bà Lưu Thị Lẹm . Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng anh N với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2025

cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi. Anh N và Bà L1 nhất trí việc giao con chung cho anh N nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng của chị H và giao cháu H2 cho bà Lưu Thị L1 chăm sóc và nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam.

Xét thấy việc các đương sự đều nhất trí đề nghị việc giao người nuôi con và cấp dưỡng như trên là đảm bảo sự ổn định và quyền lợi mọi mặt của con chung nên chấp nhận theo đề nghị của các đương sự.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228, 238, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2.Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh ngày 12/01/2020 cho anh Nguyễn Văn N chăm sóc và nuôi dưỡng từ tháng 5/2025 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu H2 cho bà Lưu Thị L1 chăm sóc và nuôi dưỡng cháu trong thời gian anh N không có mặt tại Việt Nam.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn N với số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5/2025 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001689 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bà Lưu Thị L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều: 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Nghĩa An, huyện Ninh Giang;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến